

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
(Tam Giáo Qui Nguyên Ngũ Chi Phục Nhứt)

TỨ THỜI NHỰT TỤNG DẪN GIẢI

Nhà sách Minh Tâm
Xuất Bản và Phát Hành
1964

Lời nhà xuất bản

Để đáp lại sự ủng hộ nồng nhiệt của quý độc giả bốn phương, nên chúng tôi luôn luôn sưu tầm những tài liệu quý báu của những Bậc Tiên Bối, mà từ lâu dường như bị bỏ quên, hoặc thất lạc hầu cống hiến quý vị.

Nhận thấy Kinh Sách trong nền Đại Đạo và nhất là Kinh Tứ Thời Nhựt Tụng dùng toàn Hán Văn, nên chúng tôi không ngại khổ nhọc sưu tầm tài liệu để làm thành quyển sách nhỏ này, mong sẽ được giúp ích phần nào ý nghĩa từng câu kinh, đối với những vị muốn tìm hiểu.

Bởi thế, quyển sách này chúng tôi không giữ bản quyền mà chỉ mong sau này, hiến nguyên tài liệu vào tủ sách Hội Thánh và chắc chắn đến khi đó sẽ được chấn chỉnh hoàn mỹ hơn.

Chúng tôi thành thật tri ân những vị đã giúp chúng tôi tài liệu, và mong sẽ được chỉ bảo thêm những gì còn khuyết điểm.

Kính đề,
Nhà xuất bản **MINH TÂM**

I. TỨ THỜI NHỰT TỤNG DẪN GIẢI

- NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ
- THÍCH GIÁO
- TIÊN GIÁO
- NHO GIÁO

II. Giải Kinh Hôn Phối

TỨ THỜI NHỰT TỤNG DẪN GIẢI

NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ

1) Đại La Thiên Đế, Thái Cực Thánh Hoàng:

NGHĨA:

Vua Trời trên cõi Đại la,
Vốn ngôi Thái cực ngự tòa Tiên Thiên.

GIẢI: Vì Thượng Đế đức cao rộng lớn minh mông như giềng lưới lớn, bao trùm cả vũ trụ, là một đấng Thánh Hoàng trước ngôi Thái Cực trong khi Trời Đất chưa chia đến khi Trời Đất an ngôi rồi có Nhơn loại, thì vị Thiên Đế hóa nuôi những kẻ chúng sanh, Ngài lại phú cho mỗi người đều có tánh hư linh bất muội là: Nhơn, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín.

2) Hóa dục quần sanh, Thống ngự vạn vật:

NGHĨA:

Sanh thành người vật vô biên,
Thống trị muôn loài mọi việc cầm tay.

GIẢI: Tóm trị cả muôn vật, hóa nuôi những kẻ chúng sanh.

3) Diệu diệu Huỳnh Kim Khuyết, Nguy nguy Bạch Ngọc Kinh:

NGHĨA:

Cửa Huỳnh Kim chạm vàng lộng lẫy,
Thành Bạch Ngọc cần ngọc nguy nga.

GIẢI: Trên ngôi Thiên Cung có cửa Huỳnh Kim Khuyết sơn phết những vàng ròng, cao lớn mù mù diệu

vội. Thành Thánh Hoàng cần những ngọc trắng trong, vôi vôi cao lớn. Hai chỗ ấy là nơi Vi Thiên Đế thường ngự.

4) Nhược thiết, nhược hư, Bất ngôn nhi mặc (*1) tuyên đại hóa:

NGHĨA:

Có đầy như thể trống không,
Mặc dầu không động nhưng mà đức cao.

GIẢI: Hình Trời xem như dày đặc thì lại như trống không, lặng lẽ không tiếng nói chi hết mà hóa ra rộng lớn.(1)

(1) Sách Luận ngữ có câu: "Thiên hà ngôn tai, tứ thì hành diên, vạn vật sanh diên". Trời đâu có nói mà bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông vẫn xây xuống cùng, muôn vật đều sanh hóa.

(*1) Trong Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo của Hội Thánh ấn hành năm Ất Mão 1975 thì là Bất ngôn nhi mặc tuyên đại hóa.

5) Thị không, thị sắc, Vô vi nhi dịch sử quần linh:

NGHĨA:

Không như có, có như không,
Không thấy bày làm nhưng khiến Thần linh.

GIẢI: Hình Trời xem thiết trống không mà trong không lại hóa sắc, sắc lại hóa không. Không làm mà sai các vị Thần linh phải đến tuân mạng, ấy là vô vi, trong sách Luận Ngữ có câu Vô vi nhi trị.

6) Thời thừa lục long, Du hành bất tức:

NGHĨA:

Vua Trời ngự cõi sáu rồng,
Huyền huyền diệu diệu ngao du không ngừng.

GIẢI: Hằng cõi sáu rồng đi giáp vòng Trời không hề nghỉ.(2)

(2) Chữ Lục Long ấy trong kinh có câu "Thừa Lục Long dĩ ngự Thiên". Sáu Rồng ấy quẻ Càn, sáu Rồng

đều thuộc Dương, như là: Hào sơ Cửu là Tiềm Long, Hào cửu Nhị là Hiện Long, Hào cửu Tam là Tịch dương Long, Hào cửu Tứ là Huyền Long, Hào cửu Ngũ là Phi Long, Hào thượng Cửu là Càn Long. Đạo Trời biến hóa huyền diệu vận đi giáp vòng trời chẳng ngừng.

- 1.) Hào sơ Cửu: Rồng còn lạng chưa hành động việc gì.
- 2.) Hào cửu Nhị: Rồng ở ruộng hợp với vi Đại Nhơn.
- 3.) Hào cửu Tam: Mặc dầu ở ruộng rồng mong vẫy vùng.
- 4.) Hào cửu Tứ: Rồng nhảy lên khỏi vực.
- 5.) Hào cửu Ngũ: Rồng bay lên trời.
- 6.) Hào thượng Cửu: Rồng mạnh mẽ cứng cáp bay xa tít.

7) Khí phân Tứ Tượng, Hoát truyền (*2) vô biên:

NGHĨA:

Ngôi Vô Cực phân chia Tứ Tượng,
Lại vận hành nhật nguyệt vô biên.

GIẢI: Một khí Thái Cực sanh Lưỡng Nghi (Âm Dương), Lưỡng Nghi sanh ra Thiếu Âm, Thiếu Dương; Đông, Tây, Nam, Bắc rộng truyền xây vắn khôn cùng.

(*2) Trong Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo của Hội Thánh ấn hành năm Ất Mão 1975 thì là Hoát triển vô biên.

8) Càn kiện cao minh, Vạn loại thiện ác tất kiến:

NGHĨA:

Ngôi Càn cứng mạnh sáng cao,
Muôn loài lành dữ sáng soi tỏ tường.

GIẢI: Ngôi Càn cứng mạnh, sáng soi tội muôn loài lành dữ đều thấy rõ.

9) Huyền phạm quang đại, Nhứt toán họa phước lập phân:

NGHĨA:

Phạm vi diệu diệu huyền huyền,
Lành dữ định tội phước ban từ tăng.

GIẢI: Một phép huyền diệu rộng lớn, dữ lành họa phước một toán chia trừ, tăng giảm rành rẽ không sai mây tóc.

10) Thượng chưởng Tam thập lục Thiên, Tam Thiên Thế Giới (*3):

NGHĨA:

Trên soi ba sáu (36) cung Trời,
Ba ngàn thế giới cũng cầm trong tay.

GIẢI: Trên thì chưởng quản ba mươi sáu vị Thiên Cang và ba ngàn Thế Giới: Đại Thiên Thế Giới, Trung Thiên Thế Giới, Tiểu Thiên Thế Giới. Ba mươi sáu Thiên Cang là ba mươi sáu cõi Thiên Tào ấy là căn bản thiên nhiên, mỗi cõi có một vị Tinh Quân chưởng quản. Ba ngàn Thế Giới là cõi Thiên Tiên một ngàn, cõi Địa Tiên một ngàn, cõi Nhơn Tiên một ngàn.(3)

(3) Còn nói về chi tiết thì xin xem bộ Kinh Thiên Cung du ký thì rõ.

(*3) Trong Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo của Hội Thánh ấn hành năm Ất Mão 1975 thì là Tam Thiên Thế Giới.

11) Hạ ốc Thất thập nhị Địa, Tứ Đại Bộ Châu:

NGHĨA:

Dưới cai quản bảy hai (72) từng đất,
Lại xem luôn bốn hướng lớn lao.

GIẢI: Đấng Tạo Hóa, dưới thế Ngài tóm nắm bảy mươi hai ngôi Địa Sát và bốn Bộ Châu lớn trong cõi trần hoàn thế giới. Bảy mươi hai ngôi Địa Sát ấy mỗi ngôi có một vị Tinh Quân chưởng quản.

Bảy mươi hai ngôi Địa Sát cũng từng mạng lệnh nơi Bắc Đẩu mà thi hành theo bốn phận trong Càn Khôn Võ Trụ. Và bốn Bộ Châu lớn kể sau đây: Đông, Tây, Nam, Bắc: Đông là Đông Thắng Thần Châu, Tây là Tây Ngưu Hạ Châu, Nam là Nam Thiệm Bộ Châu, Bắc là Bắc Cù Lưu Châu, ấy là Tứ Đại Bộ Châu.

12) Tiên Thiên Hậu Thiên, Tịnh dục Đại Từ Phụ:

NGHĨA:

Chủ Trời trước, chủ Trời sau,
Do luật động tịnh mang ơn cha lành.

GIẢI: Ngôi Tiên Thiên là trước đời Hồng Hoang, ngôi Hậu Thiên khi Trời Đất đã định rồi. Vì Thiên Đế là cha cả trong Càn Khôn Thế Giới hay thương muôn vật.(4)

(4) Chữ Tịnh dục trong sách Trung Dung có câu "Vạn vật tịnh dục, nhi bất tương hại", muôn vật đều sanh nuôi mà không giết hại.

13) Kim ngưỡng cổ ngưỡng, Phổ Tế Tổng Pháp Tông:

NGHĨA:

Xưa nay một dạ tín thành,
Qui hồi các pháp nhơn sanh về lành.

GIẢI: Đời nay tín ngưỡng, đời xưa tín ngưỡng tin tưởng chắc có vì Thượng Đế tóm thu hết cả pháp tông, là rộng đức háo sanh mà tế độ cả chúng sanh.

14) Nãi Nhựt, Nguyệt, Tinh. Thần chi quân, Vi Thánh, Thân, Tiên, Phật chi chủ.

NGHĨA:

Cha Trời sanh Tam Quang Tam Bửu,
Hiệp ngũ chi thống nhứt Đạo mầu.

GIẢI: Vì Thiên Đế là chúa của mặt Nhựt, mặt Nguyệt, Sao, Tinh thần và là Chủ tể các vị Thánh, Thần, Tiên, Phật vậy.

15) Trạng tịch chơn Đạo, Khôi mịch tôn nghiêm:

NGHĨA:

Đạo Trời mịt mịt cao sâu,
Ngôi Thầy, Cha dạy con về nẻo chơn.

GIẢI: Mở nền Chơn Đạo rộng lớn minh mông là vì Đấng Tôn Nghiêm là Cha cả.(5)

(5) Trong sách Lễ có nói: Hễ mình gọi cha mình thì xưng là Nghiêm Quân còn xưng cha của người thì gọi là Tôn Nghiêm.

16) Biến hóa vô cùng, Lũ truyền Bửu Kinh dĩ giác thế:

NGHĨA:

Chơn thần Thầy hóa muôn muôn,
Lại truyền kinh báu quý hơn ngọc ngà.

GIẢI: Đạo Trời biến hóa vô cùng hằng dùng pháp tá phàm và giáng linh cơ truyền bá Kinh Cáo để thức tỉnh người đời giấc mê muội.

17) Linh oai mạc trắc, Thường thi Thần giáo dĩ lợi sanh:

NGHĨA:

Chuông giác ngộ giọng kêu huyền diệu,
Giáo dẫn đời hữu ích quần sanh.

GIẢI: Vì Thiên Đế oai linh chẳng lường, thường ra lời Thánh Ngôn, làm thi văn, Thánh giáo giúp lợi cho chúng sanh.

18) Hồng oai Hồng từ, Vô cực vô thượng:

NGHĨA:

Oai linh từ thiện ơn Trời,
Bao la cao rộng không ranh không bờ.

GIẢI: Oai linh lớn, từ bi lớn, không cùng không tột không bực nào trên vì Thiên Đế nữa vậy.

19) Đại Thánh Đại Nguyện, Đại Tạo Đại Bi:

NGHĨA:

Đức Thánh rộng thệ nguyện ơn lớn,
Ân tạo Trời bí ẩn bí quan.

GIẢI: Thánh đức lớn, lời nguyện lớn. Đức Tạo Hóa lớn, Đức Từ Bi lớn.

20) Huyền Khung Cao Thượng Đế,

Ngọc Hoàng tích phước, hựu tội Đại Thiên Tôn:

NGHĨA:

Thượng Thiên trên cái khung đen,
Ngọc Hoàng xá tội ban ơn cảm quyền.

GIẢI: Đức Ngọc Hoàng ban phước tha tội, bao trùm cả Thế giới còn cao lớn không cùng không tột, không chi trên hết nữa cho nên gọi là Cao Thượng Đế Đại Thiên Tôn.(6)

(6) Chữ Huyền là sắc đen, màu huyền; chữ Khung là cao. Chữ Huyền Khung trong sách Âu học có câu "Huyền Khung bị thương tắc xưng Thượng Đế". Vị Huyền Khung thừa sanh đều xưng là Thượng Đế.

THÍCH GIÁO

1) Hồn Độn Tôn Sư, Càn Khôn Chủ Tế:

NGHĨA:

Ngôi Tôn Sư sanh từ vô thi,
Chủ Càn Khôn nhiếp lý âm dương.

GIẢI: Khí mù mù mịt mịt, minh minh mờ mờ là khí hư vô (vô vi). Đức Nhiên Đẳng là một vị tôn sư sanh đời hỗn độn, vâng lệnh Trời làm chủ tế một cảnh Càn Khôn, Ngài đem bản thể Đạo Hư Vô (vô vi) vạch để đời biết rõ Đạo ở trong khí Hỗn Nguyên (vô cực).

Ngài là một đấng THẦY trong đời hỗn độn. Đến khi Trời Đất phân ngôi rồi, có Âm có Dương thì có Đạo ở trong Âm Dương, cũng là một khí hư vô, biến hóa vô cùng. Nên Ngài nhóm ba ngàn Thế Giới qui về một mối cùng khí hư vô là đủ; nên mới gọi Ngài là Càn Khôn Chủ Tế.

2) Qui Thế Giới ư nhưt khí chi trung, Ổc trần hườn ư song thủ chi nội:

NGHĨA:

Cả thế giới qui vào một Khí,
Khắp hồng trần nắm chắc trong tay.

GIẢI: Tóm thâu Thế Giới: Người, vật và cả ba ngàn Thế Giới, về trong một khí hư vô (vô vi), nắm cõi Trần hoàn vào trong hai tay.

3) Huệ đặng bất diệt, Chiếu Tam thập lục Thiên chi quang minh:

NGHĨA:

Đèn trí huệ cháy hoài không tắt,
Lại sáng soi ba sáu (36) cõi Trời.

GIẢI: Huệ Đẳng (đèn Thiêng Liêng) cháy hoài chẳng lu, chẳng tắt, chiếu rọi ba mươi sáu cõi Trời.

4) Đạo pháp trường lưu, Khai cứu thập nhị Tào chi mê muội:

NGHĨA:

Đạo pháp như nước chảy cuộn giòong,
Khai khiếu các nguyên nhân hắc ám.

GIẢI: Đạo pháp như giòong nước chảy hoài không dứt, mở mang thông suốt chín mươi hai ức Thiên Tứốc xuống cõi thế đương cơn mê muội chưa hề tỉnh giấc.

5) Đạo cao vô cực, Giáo xiển hư linh:

NGHĨA:

Đạo vốn gọi thậm thâm diệu pháp,
Giáo lý truyền nhờ cái không linh.

GIẢI: Đạo cao thâm vô cùng không tột, Ngài lập giáo mở dạy Đạo hư vô (trống không) mà linh nghiệm.

6) Thổ khí thành hồng, Nhi nhưt trụ xang thiên:

NGHĨA:

Vận tam muội phúng nên Hồng,
Ly trung hiệp nhưt, điều Khôn nên Càn.

GIẢI: Hà hơi nên cái móng, xem như một cây cột mà chống vững bầu Trời.

7) Hóa kiếm thành xích, Nhi tam phân thác địa:

NGHĨA:

Kim khí luyện tây viên đến mực,
Dưới đơn điền chiếc Khảm nên Khôn.

GIẢI: Hóa gươm làm nên thước, mà lấy ba phân đồ vững giềng đất không rung động, ấy là Đạo Pháp Vô Biên.

8) Công tham Thái cực, Phá nhưt khiếu chi huyền quang:

NGHĨA:

Công đức Phật sánh ngôi Thái Cực,
Phá khiêu linh dạng Một mới màu.

GIẢI: Công sánh ngôi Thái Cực, mở thông tổ khiêu
nơi ải huyền quang.(1)

(1) Trong thân con người nơi xương sống từ dưới cái
xương cụt đến cái xương Thiên Trụ và ba cái lồng
xương ở cổ cộng là hai mươi một lồng. Cái tổ khiêu
này từ dưới đếm lên trên cổ ở trên xương thứ bảy dưới
xương thứ tám chính giữa xương sống có một cái lỗ
nhỏ trong lỗ ấy có cái lỗ vô vi kêu là Thần Thất là chỗ
chọn linh Tô Khiêu, còn hai bên là hai trái cật; bên
hữu gọi là Long, răng chọn hỏa; bên tả gọi là Hồ răng
chọn thủy. Tô khiêu là cái nơi hô hấp của con người.
Nhà tu dưỡng luyện kim đan cũng do nơi tổ khiêu này
luyện nên.

9) Tánh hiệp vô vi, Thống tam tài chi bí chỉ:

NGHĨA:

Tánh hòa với thể Thiêng Liêng,
Thiên, Địa, Nhơn gồm một mối cao siêu.

GIẢI: Đức tánh hiệp vô vi thì tóm hết Thiên, Địa,
Nhơn là ý màu nhiệm của Tam Tài, thấy đều qui về một
mối.

10) Đa thi huệ trạch, Vô lượng độ nhơn:

NGHĨA:

Nhơn sanh nhuần gội ân dày,
Vô số người đồng vượt khỏi bến Mê.

GIẢI: Đức Nhiên Đăng ra nhiều ân lành, như Trời
mưa gội nhuần tế độ người, công đức không biết bao
nhiều mà độ lượng.

11) Đại Bi Đại Nguyện, Đại Thánh Đại Từ:

NGHĨA:

Bi quan, bi mẫn . . . thệ nguyện,
Đức Thánh sáng chói, đức Nhơn rộng dày.

GIẢI: Cái sự thương sự nguyện của Phật rất lớn.(2)

(2) Sách có câu: "Phật ái chúng sanh như mẫu ái tử",
Phật thương chúng sanh như mẹ thương con vậy.

12) Tiên Thiên Chánh Đạo, Nhiên Đăng Cổ Phật. Vô vi Xiển giáo Thiên Tôn:

NGHĨA:

Nền Đạo vốn từ nơi Nhứt Khí,
Cổ Phật Nhiên Đăng tạo tuyệt màu.
Dạy Đạo ẩn chứng vô vi,
Tổ sư Xiển Giáo thiết vì Thiên Tôn.

GIẢI: Ngôi Tiên Thiên Chánh Đạo, Phật Nhiên Đăng
từ đời Thượng cổ mở dạy Đạo vô vi là vị Phật tối cao
hiệu là "Xiển Giáo Thiên Tôn".

TIÊN GIÁO

1) Tiên thiên khí hóa, Thái Thượng Đạo Quân:

NGHĨA:

Từ vô thi đã sanh Thái Thượng,
Vốn thật là một khí khinh thanh.

GIẢI: Ngôi Tiên Thiên Chánh Đạo, khí Tiên Thiên biến hóa Đức Thái Thượng Đạo Quân làm Giáo Chủ Đạo Giáo.

2) Thánh bất khả tri, Công bất khả nghị:

NGHĨA:

Đức Thánh khó gẫm khó suy,
Công cao khó tưởng, tài cao khó bì.

GIẢI: Thánh đức của Ngài, người chẳng khá dòm lường mà biết đặng. Cái công đức cao dày cũng chẳng khá nghị luận cho đặng.

3) Vô vi cư Thái cực chi tiên, Hữu thi siêu quần chơn chi thượng:

NGHĨA:

Từ vô thi Đạo không hình tướng,
Đến Hậu thiên siêu việt tuyệt màu.

GIẢI: Đạo Vô Vi ở trước ngôi Thái Cực là khi Trời Đất chưa phân, đến khi Trời Đất mở mang rồi thì vô vi có trước, gọi là đời Hữu Thi (nghĩa là có trước hết) rồi mới có Đức Thái Thượng đứng bực trên hết các vị Chơn Thánh Chơn Nhơn.

4) Đạo cao hút khí, Diệu hóa Tam Thanh:

NGHĨA:

Cao nhờ ngươn khí tinh anh,
Chơn Thần trong sạch hóa hình Tam Thanh.

GIẢI: Đạo Giáo cao rộng cả bầu Trời Đất, phép huyền diệu biến hóa Tam Thanh. Tam Thanh là: Thái Thanh, Thượng Thanh, Ngọc Thanh.

5) Đức hoán hư linh, Pháp siêu quần thánh:

NGHĨA:

Đức trọng bởi hư vô linh nghiệm,
Đạo cao vời trên các Nhánh chi.

GIẢI: Đạo đức sánh hơn các Thần linh, pháp luật cao siêu hơn các Tiên Thánh.

6) Nhị nguyệt thập ngũ, Phân tánh giáng sanh:

NGHĨA:

Tháng hai, ngày vọng, nhà Thương,
Vô cực Chơn Tánh phân thân giáng trần.

GIẢI: Đời nhà Châu vua Mục Vương năm thứ năm mươi hai, nhằm ngày rằm tháng hai, Ngài phân tánh giáng sanh ra Đức Thái Thượng.

7) Nhứt thân ức vạn, Diệu huyền thần biến:

NGHĨA:

Một thân biến thiên hình vạn trạng,
Một Chơn linh diệu hóa Thần Tiên.

GIẢI: Một mình mà hóa ra muôn ức, thật là phép huyền diệu như Thần, biến hóa không cùng.(1)

(1) Sách chép: Không có đời nào mà không có Đức Thái Thượng giáng sanh; như đời Vua Huỳnh Đế là Ông Quảng Thành Tử, đời Vua Văn Đế hiệu là Ông Nhiếp Ấp Tử làm quan Trụ hạ Sứ đời Vua Khương Vương hiệu rằng Quách Thúc Tử, đầu đời Hớn hiệu rằng Huỳnh thạch Công, thiết là phép biến hóa huyền diệu vô cùng.

8) Tử khí đông lai, Quảng truyền đạo đức:

NGHĨA:

Tường vân bồng hiện phía Đông,
Truyền Kinh Đạo Đức gốc lòng độ nhân.

GIẢI: Lăng tử khí từ hướng Đông bay đến rộng truyền Kinh Đạo Đức.(2)

(2) Sách chép: Ông Doãn Hi làm quan Linh Doãn bên Ai Hàm Cốc biết xem mây giống khí. Ngày kia trông thấy một vòng ngút đỏ tía từ hướng Đông bay đến biết rằng có vị Thánh Nhơn đến Ai, liền nghiêm chỉnh áo mũ ra cửa mà tiếp rước. Chẳng bao lâu có Ông Lão Tử cõi Thanh Ngu bay đến. Ông bèn vội vàng tiếp rước vào Ai đàm luận phép huyền diệu và được rộng truyền Kinh Đạo Đức năm ngàn dư lời.

9) Lưu sa tây độ, Pháp hóa tướng tông:

NGHĨA:

Thoạt qua tới phía Tây miền cát,
Pháp vô vi bỗng hóa Tướng Tông.

GIẢI: Phía Tây qua đất Lưu Sa dùng phép huyền diệu hóa ra vì Tướng Tông, đến đâu Ngài cũng lấy Kinh Sám trong tâm ra mà giảng Đạo độ đời.

10) Sản Tất Viên Phương Sóc chi bối, Đơn tích duy mang:

NGHĨA:

Trang Châu Phương Sóc sanh ra,
Cũng đồng quan niệm với thời Lạc Quân.

GIẢI: Ông Trang Tử làm quan ở vườn Tất Viên nên kêu là Ông Tất Viên cùng với Ông Đông Phương Sóc cũng do Ngài hóa thân đó, cái dấu linh đơn thiết là huyền diệu nhiệm màu.

11) Khai Thiên Địa nhơn vật chi tiên, Đạo kinh hạo kiếp:

NGHĨA:

Luyện đơn chỉ máy trường sanh,
Đạo trước Trời Đất nhơn sanh mới màu.

GIẢI: Đạo mở trước Trời Đất, trước người và loài vật, Đạo trải lâu đời nhiều kiếp.

12) Càn khôn hoá vận, Nhật nguyệt chi quang:

NGHĨA:

Càn Khôn chốt máy cao sâu,
Âm Dương Nhật Nguyệt thanh suy tuần hườn.
GIẢI: Trời Đất xây vắn, Đạo như mặt Nhật, mặt Nguyệt tỏ rõ không chỗ nào không soi xét.

13) Đạo pháp bao la, Cửu hoàng ti tổ:

NGHĨA:

Đạo Pháp rộng bao gồm Cửu Tổ.

GIẢI: Đạo như thể giếng lưới bao la giảng trùm cả võ trụ. Ngài là Tỉ Tổ (3) của họ Cửu Hoàng.

(3) Hình người thụ thai, trước tượng lỗ mũi; nên thi tổ gọi là Tỉ Tổ, mà tỉ là mũi.

14) Đại Thiên Thế Giới, Dương tụng từ ân:

NGHĨA:

Cối Đại Thiên ca tụng ân lành.

GIẢI: Trong cõi Đại Thiên Thế Giới nên ca tụng ân lành của Đức Thái Thượng Lão Quân.

15) Vĩnh kiếp quần sanh, Ngưỡng kỳ huệ đức:

NGHĨA:

Hồng trần cứu vớt độ người, chúng sanh.

GIẢI: Kẻ chúng sanh nhiều kiếp cũng ngưỡng thờ ơn lành ở Đức Ngài.

16) Đại Thần Đại Thánh, Chí cực chí tôn:

NGHĨA:

Thấu then Chí Cực, Thần thành Kim Thân.

GIẢI: Thiết bực Đại Thần, Đại Thánh rất tốt rất cao, rất cực phẩm rất tôn cao.

17) Tiên Thiên chánh nhứt, Thái Thượng Đạo Quân Chưởng Giáo Thiên Tôn:

NGHĨA:

Nền Đạo mở từ khi Nhứt khí,
Chức Thiên Tôn chấp chưởng Thần Tiên.

GIẢI: Hiệu Ngài là Tiên Thiên Chánh Nhứt; Đạo Giáo gọi là Thủ nhứt, Thích Giáo gọi là Qui Nhứt; Nho Giáo gọi là Oán Nhứt. Vì vậy cho nên Đức Thái Thượng Lão Quân chưởng quản Đạo Giáo là Vì Thiên Tôn.(4)

(4) Nhứt có nghĩa: Thiên đắc nhứt dĩ Thanh, Địa đắc nhứt dĩ Ninh, Nhơn đắc nhứt dĩ Thành; cho nên Trời, Đất, Người một thì ninh tịnh.

NHO GIÁO

1) Quế hương nội điện, Văn Thi thượng cung:

NGHĨA:

Đều quế hương mùi bay thơm ngát,
Gốc vốn là trên cõi Thượng Thiên.

GIẢI: Mùi quế hương nức chồn nội điện, Đức Văn Xương ở căn đầu nơi chồn thượng cung.(1)

(1) Sách có câu "Lam bào nhà quế hương", khi xưa hễ người thi đỗ Trạng thì vua ban cho cái áo Lam Bào và cho đi vu khai ba ngày cho rõ danh thơm, thì được tiếng thiên hạ ngợi khen thơm tho nức như mùi quế hương bay khắp vậy. Còn về văn khoa đầu tự thì có tích ông Đậu Yên Sơn sanh ra năm người con trai được sự ứng mộng của cha bảo tu nhơn, tích đức thì năm đứa con ấy sau này sẽ nên danh. Ông vâng lời cha phát nguyện lòng lành lấy nghĩa phụng giáo từ. Nhờ đó năm con của ông học hành rất tiến, đồng thời ông có trồng năm cây quế trước sân. Đến khi năm người con trai ông vào trường thi đều được danh đề Kim bảng, đời truyền là: "Ngũ quế đường khai".

2) Cửu thập ngũ hồi, Chương thiện quả ư, thi thơ chi phổ:

NGHĨA:

Chín lăm lần xuống xuống lên lên,
Gieo trái Đức, Văn chương, Nhơn nghĩa.

GIẢI: Đức Văn Xương ở cõi Thượng Cung, chín mươi lăm lần luân hồi gieo trái lành nơi vườn Thi Thơ.(2)

(2) Trong Kinh Điền ghi chép Đạo Thánh dạy việc lành là: Nhơn, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín. Thành ra cho nên lấy Kinh Điền làm vườn lấy việc lành làm giống trái ngon trồng tía, đặng lưu truyền cho đời đấm ruộng gọi rằng "Tâm Điền" vun bồi cội quế thơm tho, con cháu gìn giữ ruộng đất nối đời hưởng dùng không cùng.

3) Bá thiên vạn hóa, Bồi quế thọ ư, âm chất chi điền:

NGHĨA:

Trăm lần phải sanh sanh hóa hóa,
Vun quế hòe, âm đức, tâm điền.

GIẢI: Trăm ngàn lần hóa thân cũng lấy đức âm chất gieo làm đám ruộng gọi rằng Tâm Điền vun bồi cội quế thơm tho, con cháu gìn giữ ruộng đất nối đời hưởng dùng không cùng.

4) Tự lân trữ bính, linh ư phụng lãnh:

NGHĨA:

Văn tự linh hơn sấm lời,
Linh hơn linh điều mở thông Đạo người.

GIẢI: Đời Thượng cổ chưa có văn tự thì lấy gút để nhớ việc. Đến đời vua Phục Hi có Long Mã phụ đồ, vua Phục Hi vạch Bát Quái Đồ chế ra văn tự. Qua đời Huỳnh Đế có ông Thượng Kiệt trí tuệ thông minh trện thì biết xem tượng sao, dưới thì xét soi dấu chim chế làm văn tự. Khi văn tự thành rồi thì Trời mưa luôn ba ngày, quý ban đêm khóc (3). Từ đó văn tự mở mang trong thiên hạ, người đều tấn hóa.

(3) Quì khóc bởi sợ có chữ ghi chép chơn lý đạo đức, người người đều theo chơn đạo bỏ tà thuyết thì quì khóc phải bị tận diệt. Khi Đức Khổng Tử làm kinh Xuân Thu sách Hiếu Kinh rồi thì quì lạy về ngôi Bắc Đẩu tỏ bày ý nghĩa của mình làm kinh sách. Trời liền mưa ròng ba ngày có móng đỏ từ trời sa xuống hóa ra sắc vàng trên có chữ "Xuất sách cổ tự".

5) Chí như ý tử, tường ư ngao trụ:

NGHĨA:

Chí lành hiệp với ý lành,
Cự Ngao chở nổi núi non đức dày.

GIẢI: Chí như lời đạo đức ý tứ uyên thâm cảm động lòng Trời, lời ý hiền lành hơn Ngao Trụ đã chống vững năm hòn núi nơi biển Bột Hải.(4)

(4) Ngao Trụ là núi Ngao. Ở phía Đông biển Bột Hải có năm hòn núi: 1) Núi Đại Dư 2) Núi Viên Kiều 3) Núi Phương Hồ 4) Núi Dinh Châu 5) Núi Bồng Lai. Năm hòn núi này các vị Thánh Tiên thường ở tại đó, núi không chơn, thường trôi theo nước lớn nước ròng. Các vị Tiên Thánh bèn tâu với Ngọc Đế nghe. Ngài sợ núi ấy dễ vậy thì trôi ra tứ phía mới sai mười lăm con Cự Ngao cất đầu đội năm hòn núi ấy vững lại chẳng cho trôi nữa mà lại phân làm ba phiên mỗi sáu muôn năm đổi một lần. Về sau hễ ai thi đỗ Trạng thì gọi độc chiếm Ngao Đầu. Đến như nay mà lòng người ý thành chắc thiết một dạ nhân từ thì phước đức để cho con cháu lâu dài. Thì ra chẳng qua là một đời vinh hiển sang trọng đó thôi, sao bằng phước đức để đời đời lưu truyền con cháu hưởng không cùng.

6) Khai nhơn tâm tất bổn ư đốc thân chi hiếu:

NGHĨA:

Trau tâm gốc cội con người,
Hiếu thảo cha mẹ mới nên đạo người.

GIẢI: Còn việc giáo hóa thì Đạo Nho mở rộng lòng người, dạy con người phải thờ cha kính mẹ, lấy chữ hiếu làm gốc.

7) Thọ quốc mạch tất tiên, ư trí chúa chi trung:

NGHĨA:

Ơn nhà nợ nước trước xong,
Công ơn bảo hộ Vua lành Tôi ngay.

GIẢI: Kẻ nhơn thần tâm phải vững bền như mạch nước, phải hết lòng trung, liêu minh cùng chúa, dầu cho ngàn cay muôn đắng vào sanh ra tử, đập sỏi giày sành cũng chẳng nao lòng thối chí. Còn như các Đấng đã dày công dạy dỗ ta nẻo chánh đàng ngay thì ta phải làm thế nào cho khỏi phụ các Ngài.

8) Ứng mộng bảo sanh, Thù từ mẫn khổ:

NGHĨA:

Điềm lành báo mộng lợi nhơn,
Dù cho khổ cực nhưng mà chí cao.

GIẢI: Còn phận làm vua thì phải có lòng nhơn từ, bảo hộ sanh linh thương xót những kẻ dân nghèo. Hễ có lòng thương dân nghèo khổ thì khiến cho mình có tư tưởng hay nằm chiêm bao.(5)

(5) Sách chép: Châu Võ Vương có lòng đạo đức tư tưởng thường, cho nên chiêm bao thấy ông Châu Công ứng mộng bảo làm lành. Võ Vương là vì vua không ra hành chánh hiệu lệnh, chỉ lo làm việc đạo đức bảo hộ sanh linh, để lòng nhơn từ thương người khổ nạn...

9) Đại Nhơn, Đại Hiếu, Đại Thánh, Đại Từ:

NGHĨA:

Nhơn, hiếu rộng tâm lành sáng chói.

GIẢI: Nhơn lớn thì ơn lớn, thánh đức lớn từ bi cũng thiệt là lớn.

10) Thần văn, Thánh võ, Hiếu đức trung nhơn:

NGHĨA:

Văn có Thần gốc Hiếu Nghĩa Nhơn,
Võ nơi thông rõ âm dương.
Hiếu cha thảo mẹ đứng đầu Đạo Nho,
Đức ấy thiệt Tâm làm âm chất.
Đạo thờ Vua một mực thẳng ngay,
Chữ Nhơn gồm bực Đạo Nho.

GIẢI: Một là hiếu thuận, hai là nhơn từ, ba là trung tín, bốn là đức hạnh; nghĩa là bốn đức khiêm cung đủ vậy.

11) Vương Tân sách phụ, Nho Tông khai hóa:

NGHĨA:

Ngôi vua không nước dạy rành nhơn luân,
Dựng Nho Giáo khai minh bốn thiện.

GIẢI: Đức Khổng Thánh đi châu du, các nước đều nghinh tiếp Ngài gọi là vì Vương Tân (khách của vua). Vì Ngài hay giúp vua làm điều nhơn đạo, đàm luận chánh giáo, hễ nước phải đạo thì Ngài đến, nước chẳng phải đạo thì Ngài lui, tới lui thông thả nên gọi là ngôi Vương Tân, Ngài mở mang giáo hóa nên Ngài là Giáo chủ trong Đạo Nho vậy.

12) Văn Tuyên Tư Lộc, Hoảng nhơn Đế quân:

NGHĨA:

Tổ Vương rày tặng Văn Tuyên,
Đế Quân đức cả sáng rày thịnh thinh.

GIẢI: Vua Văn Tuyên hay việc thi cử khoa lộc là vì Đế Quân nhơn đức rộng, tánh chất thiệt ngay thẳng chánh sáng, báu rạng hiền lành.

13) Trưng chơn chánh quang, Bửu Quang từ tế Thiên Tôn:

NGHĨA:

Thiên Tôn chấp chưởng cầm quyền Đạo Nho.

GIẢI: Trong tốt, chắc thiệt, ngay thẳng, sáng láng, lành thương tế độ là vì Bửu Quang Từ Tế Thiên Tôn.

II. Giải Kinh Hôn Phối

1) Cơ sanh hóa Càn Khôn đào tạo, Do Âm Dương hiệp đạo biến thiên:

GIẢI: Cả cơ hữu hình trong Càn Khôn vũ trụ đều do khí Âm Dương hòa hợp, mới sanh sanh hóa hóa; đó là Đạo vậy.

2) Con người nắm vững chủ quyền, Thay Trời tạo thế giữ giềng nhưn luân:

GIẢI: Ở thế, loài người đứng đầu vạn vật được đổi vào Tam Tài giả (Thiên, Địa, Nhơn), nên có bổn phận thay Trời tạo thế do Nam Nữ cấu tạo, ấy là cơ sanh hóa.

3) Ở trước mắt Hồng Quân định phận, Đạo vợ chồng đã xứng nợ duyên:

GIẢI: Đức Hồng Quân sách gọi Đức Hạ Nguyệt Lão Quân. Khi hai chơn hồn đi tá mẫu đầu phàm mà có duyên nợ do Đức Hồng Quân định phận rồi, dầu ở ven trời hay góc biển xa xôi, ngày thành giai ngẫu lần lần sẽ hiệp nhau.

4) Trăm năm khá nhớ hương nguyên, Chông hay trọn nghĩa, vợ hiền trọn trinh:

GIẢI: Khi hiệp căn, lên nhang đèn phẩm vật nơi Thiên bàn và dường linh Ông Bà cho đôi vợ chồng, dầu rẽ lạy Đức Chí Tôn và Ông Bà thì cầu nguyện như vậy: Ngày nay vợ chồng chúng con thành hôn đây: Trai nguyện: Con ở với vợ con trọn đời hằng giữ nghĩa; Gái nguyện: Con ở với chồng con trọn đời hằng giữ trọn trinh; thủy chung nhi nhất.

5) Đã cùng gánh chung tình hòa ái:

GIẢI: Ngày thành đạo vợ chồng rồi thì sang giàu cùng hưởng nghèo khổ đồng chia, không vì giàu mà đổi bạn, không vì sang mà bỏ vợ.

6) Tua đút cơm, sửa dài làm duyên:

GIẢI: Câu đút cơm do tích ông Tống Hoàng làm quan Đại Thần trào vua Quan Võ. Vua Quan Võ có người chị là Hồ Dương Công Chúa góa chồng. Một hôm nhà vua hỏi chị rằng: Chị xem coi ai trong trào chị vừa ý ai em tình (*) dùm cho chị. Hồ Dương Công Chúa trả lời: Trong trào nếu ai oai nghi lễ độ như Tống Hoàng thì chị mới ưng.

Tống Hoàng có vợ bị bệnh phải bị mù đôi mắt, mà ông thì hằng bữa ăn đút cơm cho vợ, rất yêu nhau không mỗi. Ngày nọ vua Quan Võ cho đòi Tống Hoàng đến đặng định đôi cho chị. Khi Tống Hoàng đến, Hồ Dương Công Chúa núp sau tấm bình phong đặng nghe. Vua Quan Võ hỏi Tống Hoàng: Này Tống Hoàng, Khanh nghe thiên hạ thường nói giàu đôi bạn, sang đôi vợ có phải vậy ông a (***) Khanh?.

Tống Hoàng trả lời: Tâu Bệ Hạ đó là hạ ngu chưa có, còn người Trượng phu không được như vậy; tào khang chi thế bất khả hạ đàng, bản tiện chi giao mạc khả vong.

Nghe qua vua Quan Võ nghĩ không còn lời nào mà hỏi nữa, đành bãi việc.(1)

(*) Câu trên có thể là: . . . em tính dùm cho chị.

(**) Câu trên có thể là: . . . có phải vậy không ái Khanh?

(1) Trong Nữ Trung Tùng Phận có câu:

Tống Hoàng chí trọng phu không đổi,
Giữ nhưn luân sợ lỗi đạo hằng.
Từ duyên Công Chúa giao thân,
Đúc cơm vợ quáng ân cần dưỡng nuôi.
Biết nhưn nghĩa biết mùi ân ái,
Chia đau thương cột dải đồng tâm.
Kìa ai đã gọi ân thâm,
Hơn niềm chồng vợ âm thầm giúp nhau.

* Sửa dài làm duyên:

GIẢI: Do tích vợ chồng ông Châu Công. Châu Công làm quan Đại thần, khi đi châu Chúa vợ ông cột dải mào

dài áo cho ông. Khi về lại mở dài áo dài mào của ông đi cất, để nuôi nắng tình yêu cho đậm đà, lại còn gin bồn phận tề gia nội trợ ở nhà. Bà mãi lo canh cửu cơ hàn, không vì chồng làm quan vợ ở nhà kiêu hãnh, cũng không vì có lương bổng ngồi hưởng, hằng lo làm lụng mà thôi.(2)

(2) Trong Nữ Trung Tùng Phận có câu:

Vợ Châu Công đình thân mạng phụ,
Ở thôn quê lam lũ làm ăn.
Chồng thì trào nội cao sang,
Vợ lo canh cửu cơ hàn khổ thân.
Giúp chồng đặng ân cần, nhiếp chánh,
Cho nên trang chúa Thánh tôi Hiền.
Vợ không tham nhúng bạc tiền,
Chồng lo trọn đạo nắm quyền chấn dân.

7) Dưới trăng bóng ngọc còn nguyên:

GIẢI: Do tích: xưa có một vị quan sanh ra một gái rất đẹp, khi đứng tuổi cập kê ông chọn sĩ tử cho con. Có người đến dạm hỏi ông muốn cho con được tự do dò đơn và hạch thử tài nghệ vị sĩ tử. Vào một đêm trăng thanh gió mát ông cho phép hai người ra giữa sân trải chiếu đàm thuyết đặng rõ ý chí và tài nghệ mà không đặng làm điều trái phép, nếu sai lời sẽ bị trọng tội lại mất hôn thê. Nhờ giữ đúng lời mà sau nên đạo vợ chồng.

8) Ôm bình, bao tóc sang hèn cũng cam:

GIẢI: Vào đời Tiên Đường, có ông Đậu Nghi làm quan hạ sanh một con gái nhan sắc khuynh thành vừa tuổi cập kê ông chọn sĩ tử cho con. Trong khi ông chưa biết làm thế nào, liền trực thấy trước tấm chắn có bình bông trong bình bông có thất hai con én hồng lung lay rất đẹp, ông bèn truyền cho sĩ tử nếu ai bắn trúng con mắt én thì ông gả con cho. Nghe qua các sĩ tử đến bắn đều không trúng. Đến phiên ông Đường Lý Nguyên bắn trúng và rồi được vợ. Về sau vợ chồng Đường Lý Nguyên giữ mãi bình ấy.

* **Bao tóc:** Đời Đường có ông Giả Trực Ngôn làm quan bị vua biếm ra Lãn Nam hai mươi năm. Giả Trực Ngôn về than với vợ rằng: Bà ơi! Tôi bị biếm ra Lãn Nam hai mươi năm không biết còn mất thế nào, vậy tôi giao quyền sở hữu ở bà đặng chọn chồng khác hầu giúp nhau khi đau yếu hay khó khổ. Vợ ông nghe chồng nói khóc rống lên, rồi xổ tóc chải xuống lấy lụa trắng vấn tóc cho vện lại, lấy dây đưa chồng cột lấy cho chắc và biểu chồng để dùm năm chữ trên lụa trắng: "Phi quân thủ bất giái" rồi chồng đi. Bởi Kinh có câu: "Thiếp cam bao tóc thờ chồng là vậy".

**9) Đường tổ nghiệp nữ nam hương lửa,
Đốt cho nông từ bữa ba sanh:**

GIẢI: Đôi vợ chồng từ khi mới hợp nhau cần giữ gìn bồn phận dâu rể, ăn ở thuận hòa, vâng lời cha mẹ bảo, vện gìn đạo nghĩa, đặng sanh con đẻ cháu nối hương lửa cho mình, trước sau như một.

**10) Giữa đèn để một tắc thành,
Đồng sanh, đồng tịch đã đành nương nhau:**

GIẢI: Vợ chồng là ân thâm nghĩa trọng, sống nương nhau no đói có nhau, khó chung chịu sang chung hưởng. Sách có câu: Sống đồng tịch đồng sàng, thác đồng quan đồng quách.

Tích xưa, vào đời nhà Nguyên có vợ chồng ông Trần Sử Chánh, vợ chồng yêu nhau nồng nàn. Khi Sử Chánh đầu quân giúp nước một hôm ra trận bại binh chết hết. Vừa hay tin vợ Sử Chánh liền chạy ra trận mạc, xóc các tử thi để tìm chồng, nhưng qua một lượt mà không tìm thấy. Suy nghĩ, bà mới nhớ lại lúc ở nhà bà có may cho chồng một cái túi, gọi là cái phái để cho chồng đeo mãi bên mình. Nhờ đó bà mới kiếm gặp liền vác xác chồng lên vai chạy về nhà. Bà kêu thợ đóng một cái khuôn hàng rộng bề ngang. Người thợ nói rằng: Đóng rộng như thế có đồ đâu liệm cho đủ. Bà trả lời: Cứ đóng y như tôi định, sẽ có đủ đồ liệm. Khi đóng khuôn

hàng xong bà ôm xác chồng để vào hàng rồi cầm dao tự tử. Nhờ hàng rộng nên được liệm chung. Do đó về sau có câu: "Sống đồng tịch đồng sàng, chết đồng quan đồng quách"

CHUNG

**Nhà sách Minh Tâm
Xuất Bản và Phát Hành
1964**
